

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN MÔN HỌC TỰ CHỌN CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Phước Hiền⁺,
Vũ Đức Nghĩa Hưng

Trường Đại học Luật Thành Phố Hồ Chí Minh
+Tác giả liên hệ • Email: nhphien@hcmulaw.edu.vn

Article history

Received: 21/3/2024

Accepted: 17/4/2024

Published: 20/6/2024

Keywords

Decision making, elective courses, Business Administration students, Ho Chi Minh City University of Law

ABSTRACT

In educational institutions, policies of credit-based training curriculum play an essential role since they affect learning outcomes and knowledge for the future career of each individual student. This study aims to identify and analyze the factors affecting the among Business Administration students' decision on selecting elective courses at the Ho Chi Minh City University of Law. The research results based on SPSS 23.0 highlight four factors affecting the Business Administration students' decision on selecting elective courses: (1) Personal factors, (2) Course characteristics, (3) Environmental factor, and (4) Lecturers. Subsequently, the authors determined and evaluated the level of impact of these factors, then made appropriate recommendations to improve the training quality, support students' decision - making process with elective courses and improve learner support.

1. Mở đầu

Đối với các chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngày nay, các cơ sở giáo dục đại học đang khẩn trương triển khai và thúc đẩy tiến độ phát triển đối với hệ đào tạo tín chỉ một cách bài bản, đồng thời việc tiếp nhận kiến thức, cải tiến chất lượng giáo dục cũng phải mang hiệu quả cao. Chương trình học là một trong những yếu tố có vai trò then chốt trong công tác đào tạo không chỉ đối với các trường đại học mà còn có sinh viên. Có thể nói rằng, đào tạo theo tín chỉ là điều cần thiết, cho phép người học chủ động học tập và rèn luyện các kỹ năng theo khả năng, năng lực học tập cho phép. Đặc biệt, đối với môn học tự chọn, người học càng có nhiều sự lựa chọn trong quyết định của mình về kế hoạch trong học tập và sự nghiệp. Nhìn chung, giáo dục hiện nay đang có một bước tiến nổi bật, chính là trao lại cho người học được quyền quyết định các môn học trong chương trình đào tạo ở những năm cuối. Quyền tự chủ này thúc đẩy tinh thần trách nhiệm đối với việc học và kết quả học tập gắn liền với những kế hoạch khác nhau của sinh viên, từ đó hỗ trợ cho việc đạt mục tiêu, cũng như mong muốn của mỗi cá nhân. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng xu hướng Nhà trường trao cho người học quyền quyết định môn học có những ảnh hưởng nhất định vào động lực cũng như sự cam kết trong quá trình học tập (Holec, 1981; Little, 1995; Nguyễn Thị Phương Thảo và cộng sự, 2020).

Thế nhưng, mặc dù việc lựa chọn môn học là những cơ hội hỗ trợ người học quá trình rèn luyện, tiếp thu những vốn kiến thức một cách chủ động nhất, đó vẫn là thách thức khi cần phải chịu sự ảnh hưởng từ nhiều yếu tố ảnh hưởng khác nhau như sự tự giác, tính cách, trình độ khả năng học tập, điểm số,... Hiện nay, môn học tự chọn đối với ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh chiếm 2 tín chỉ/môn học bắt đầu từ học kì 5 của khoá học. Với số lượng môn và tín chỉ như trên, người học cần lưu ý khi sẽ góp phần vào kết quả học tập cũng như vốn kiến thức cho nghề nghiệp sau này. Tuy nhiên, vì một số tác động đến từ bên ngoài và nội tại trong chính cách suy nghĩ, định hướng của sinh viên sẽ khiến cho những quyết định lựa chọn này mang tính chất chủ quan. Với mục tiêu tìm hiểu, có cái nhìn khoa học, khách quan, từ đó nâng cao nhận thức cũng như đề xuất các hàm ý quản trị liên quan nhằm cải thiện cho vấn đề quyết định môn học tự chọn, tác giả thực hiện nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định môn học tự chọn của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh. Bài báo chủ yếu hướng tới việc tìm ra những nguyên nhân dẫn đến các quyết định lựa chọn môn học tự chọn và xác định yếu tố tác động mạnh mẽ đến người học nhất, từ đó có thể đưa ra một số đề xuất phù hợp cho vấn đề cũng như thông qua đó, phát triển thương hiệu qua cách thức quan tâm, lắng nghe, dẫn đến hiệu quả cao ở mục tiêu đầu ra.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Môn tự chọn được cho là có thể tiếp cận các bài học một cách tận tâm hơn, cũng được thêm vào chương trình khi xem xét sự nhiệt tình và mong muốn của người học (Coban, 2020). Thêm vào đó, theo tác giả Darby (2006), nếu học phần không bị bắt buộc và được sinh viên tự nguyện chọn lựa, thì nội dung của môn học sẽ hấp dẫn hơn. Đây có thể được xem là một cách giải thích cho những phản ứng của con người khi được quyết định cho định hướng kế hoạch của bản thân. Để đáp ứng cho xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các cá nhân người học không chỉ nên dừng lại ở việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn mà nên có thêm những trang bị trí tuệ về kỹ năng mềm, thông thạo các kiến thức mở rộng cho nghề nghiệp tương lai. Các trường đại học đang ngày càng chú trọng đến chất lượng các ngành, học phần tự chọn với mục tiêu mang lại nhiều cơ hội phát triển cho các cá nhân theo nhiều phương hướng khác nhau, bao gồm năng lực nhận thức, xã hội, cảm xúc phù hợp cũng như kiến thức lĩnh vực mà sinh viên quan tâm (Gulum et al., 2022). Nhờ các khóa học tự chọn, sinh viên có thể khám phá và phát triển tốt hơn các đặc điểm của riêng mình bằng cách có được thông tin chi tiết và toàn diện hơn về các lĩnh vực mà họ quan tâm.

Tổng kết lại, môn học hoặc học phần tự chọn được xem là những môn học được các trường thể hiện rõ nét trong các chương trình đào tạo với những nội dung liên quan đến kỹ năng, kiến thức cần thiết cho định hướng nghề nghiệp cũng như có sự liên kết chặt chẽ với các học phần bắt buộc khác của ngành. Đối với những môn học này, người học có thể quyết định chọn lựa không chỉ dựa trên sự đáp ứng về mong muốn, sở thích bản thân mà còn nhấn mạnh hỗ trợ, phát triển kỹ năng cho tương lai về sau.

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Samara (2015) cho thấy rằng những yếu tố góp phần vào sự lựa chọn của người học đối với các môn học tại AUS (American University of Sharjah) bao gồm Sự nghiệp tương lai, Kinh nghiệm trước đây của các môn học, Sự nổi tiếng của giáo sư, Bạn bè và Khả năng học của họ khi tiến hành nhiều vòng khảo sát với các câu hỏi xoay quanh vấn đề về kỳ vọng đối với môn học, kinh nghiệm khi lựa chọn các môn học trước đây, giảng viên cũng như sự chuyển biến trong quan điểm trước và sau khi đăng ký môn học.

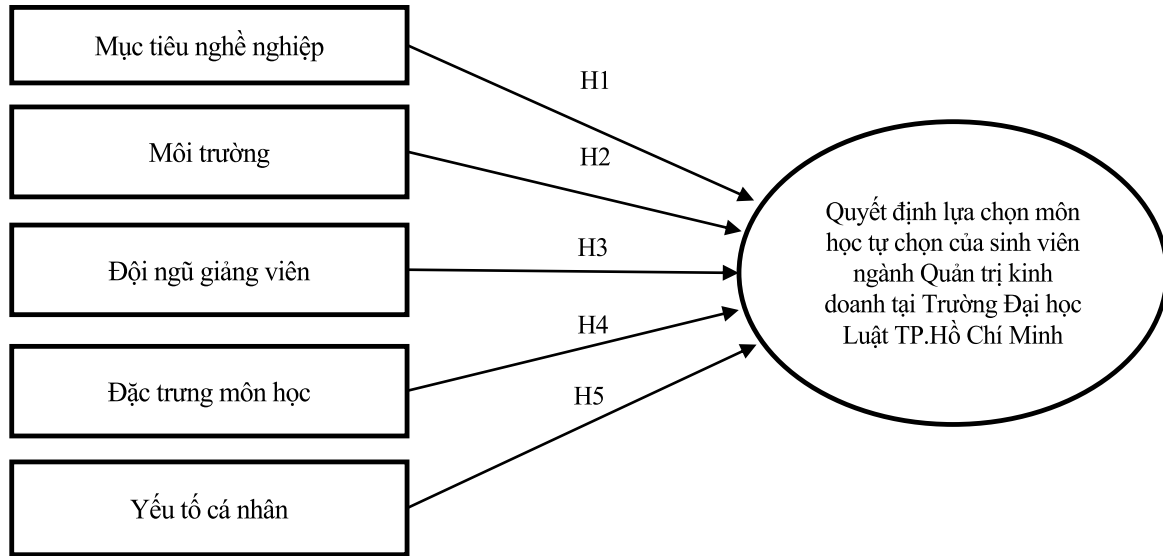
Foli và Baidoo (2020) xác định và kiểm tra các yếu tố được cân nhắc khi lựa chọn các khóa học tự chọn của sinh viên Đại học Ghana, Khoa Thống kê và Khoa học Thống kê. Cụ thể, sau khi tiến hành thu thập câu trả lời phản hồi của 30 sinh viên từ Khoa ở vòng phỏng vấn, nhóm tác giả đã phân tích bằng phần mềm STATA 14. Kết quả phân tích cho thấy yếu tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến việc lựa chọn khóa học tự chọn là Con đường sự nghiệp, tiếp đó là Bản chất môn học, ở đây chỉ về thuộc tính Tính toán, và Tìm hiểu/Học điều mới.

Đối với Ursavas và Kesimal (2020), bài nghiên cứu đã nhấn mạnh mức độ quan trọng của việc đưa ra chọn lựa các môn học tự chọn đối với ngành Sinh học trong hệ thống chương trình đào tạo giáo dục cấp THPT. Với 135 người học tình nguyện đến từ hai trường ở đông bắc Thổ Nhĩ Kỳ phỏng vấn bởi bảng câu hỏi mở, nhóm tác giả nhận định rằng yếu tố có hệ số cao, tác động mạnh đến việc đưa ra quyết định lựa chọn của học sinh chính là Vấn đề định hướng tương lai và Yếu tố cảm xúc như sự yêu thích, tò mò và thích thú với môn học, tiếp đó là Nghĩa vụ, Mức độ phù hợp của môn học, Tác động từ nguồn bên ngoài và Lý do cá nhân.

Coban (2020) sau khi tập hợp dữ liệu bằng câu hỏi do Tezcan và Gumus phát triển, tác giả đã tiến hành nghiên cứu và phân tích, cho rằng những yếu tố bao gồm các hạng mục liên quan đến tính dễ dàng trong điểm số, mục tiêu nghề nghiệp, đội ngũ GV, Hiệu ứng bạn bè/yếu tố môi trường và Đặc trưng môn học đều có sự ảnh hưởng nhất định.

Lewis và cộng sự (2020) đã nghiên cứu hệ thống tối đa hóa cảm nhận của người học khi lựa chọn các môn học tự chọn. Cụ thể, nhóm nghiên cứu đã chạy mô hình thuật toán AI (AI-based optimization algorithm) nhằm kết hợp các môn học phù hợp dựa vào sở thích và dữ kiện bắt buộc đến từ nhà trường. Từ đây, họ đề xuất việc điều chỉnh các môn học với nhau nhằm tối đa hóa sự lựa chọn cho người học và đáp ứng được những vấn đề về sở thích, kết quả học tập, thời khóa biểu phù hợp.

Từ tổng quan các nghiên cứu trước đó, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu về các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn môn học tự chọn của sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh như hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu (Nguồn: Nhóm tác giả)

2.3. Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn môn học tự chọn của sinh viên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Khái quát về khảo sát

Về đối tượng khảo sát, nhóm tác giả đã tiến hành thu thập các dữ liệu sơ cấp với bảng câu hỏi từ sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

Về kích thước mẫu, để đảm bảo kết quả khảo sát, nhóm tác giả đã khảo sát 260 sinh viên dựa trên bảng câu hỏi phỏng vấn được thiết kế sẵn theo công thức của Green (1991) nhằm đảm bảo tính đại diện cao; trong đó có 243 phiếu khảo sát hợp lệ với 33 biến quan sát.

Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024.

Thông tin thu thập sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 23.0. Kết quả được thể hiện thông qua việc đánh giá mức độ tin cậy các thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy đa biến nhằm xác định được những yếu tố tác động cũng như mức độ ảnh hưởng của chúng trong phạm vi được lựa chọn trước đó.

2.3.2. Kết quả khảo sát

- Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Sau khi tiến hành xử lý dữ liệu thông qua sử dụng phần mềm SPSS, kết quả của bảng 1 đã chỉ ra tất cả các thang đo bao gồm: Mục tiêu nghề nghiệp; Yếu tố môi trường; Đội ngũ giảng viên; Đặc trưng môn học; Yếu tố cá nhân và Quyết định lựa chọn đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 (Peterson, 1994). Tuy nhiên, trong thang đo thì Yếu tố cá nhân có độ tương quan biến tổng $E5 < 0,3$ ($0,284 < 0,3$) nên phải bị loại bỏ với mục tiêu làm sạch dữ liệu (Nunnally, 1978). Sau khi loại trừ biến E5 này, thang đo Yếu tố cá nhân đã được cải thiện với Cronbach's Alpha là 0,810. Sau khi thực hiện việc loại biến xấu và không đạt tiêu chuẩn, giờ đây các biến trong thang đo đã đủ điều kiện cho các giai đoạn phân tích sau.

Bảng 1. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Tên	Số biến quan sát	CRA ban đầu	Đánh giá thang đo	CRA ban đầu
Mục tiêu nghề nghiệp (A)	6	0,895	Chấp nhận	0,895
Yếu tố môi trường (B)	5	0,732	Chấp nhận	0,732
Đội ngũ giảng viên (C)	6	0,830	Chấp nhận	0,830
Đặc trưng môn học (D)	5	0,886	Chấp nhận	0,886
Yếu tố cá nhân (E)	6	0,777	Loại biến E5	0,810
Quyết định lựa chọn (F)	4	0,921	Chấp nhận	0,921

- Phân tích EFA

Trên thực tế, vòng đầu tiên của EFA cho thấy, bảng ma trận xoay nhân tố có biến quan sát không đáp ứng điều kiện tồn tại, do đó nhóm tác giả đã quyết định loại bỏ các biến không đạt theo thứ tự với mục đích cải thiện thang đo. Tổng cộng nhóm tác giả đã loại 11 biến quan sát nhằm thoả mãn mục tiêu trên.

Bảng 2. Kết quả phân tích EFA các biến độc lập

Tên	Biến quan sát	Thành phần			
		1	2	3	4
Đặc trưng môn học (D)	D5	0,851			
	D1	0,805			
	D6	0,800			
	D3	0,780			
Yếu tố cá nhân (E)	E2	0,716			
	E1	0,661			
	E4	0,651			
Mục tiêu nghề nghiệp (A)	A3		0,852		
	A5		0,805		
	A4		0,803		
Yếu tố môi trường (B)	B4			0,806	
	B1			0,755	
	B5			0,732	
	B2			0,612	
Đội ngũ giảng viên (C)	C3				0,820
	C4				0,798
	C5				0,769
KMO					0,854
Sig. của kiểm định Bartlett					0,000
Eigenvalue					1,239
Tổng phương sai trích					67,274%

Với vòng cuối cùng, kết quả phân tích thu được cho thấy hệ số $0,5 < KMO=0,854 < 1$ và Sig. của kiểm định Bartlett = $0,000 < 0,05$, thể hiện dữ liệu và cỡ mẫu phù hợp (Hair et al., 1998). Bên cạnh đó, với giá trị Eigenvalue = 1,239, tổng phương sai trích = $67,274\% > 50\%$, điều đó cho biết rằng 5 yếu tố giải thích được 67,274 % sự biến thiên của dữ liệu (Anderson & Gerbing, 1988).

Kết quả bảng 2 cho thấy với 17 biến quan sát của các yếu tố đều có hệ số Factor Loading đạt chuẩn $> 0,5$, bao gồm: Đặc trưng môn học (D1, D3, D5, D6); Yếu tố cá nhân (E1, E2, E4); Mục tiêu nghề nghiệp (A3, A4, A5); Yếu tố môi trường (B1, B2, B4, B5) và Đội ngũ giảng viên (C3, C4, C5).

- Kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá	t	Sig.	Kiểm định đa cộng tuyến	
	B	Sai số	Beta			T	VIF
Hằng số	0,827	0,248		3,333	0,001		
A	0,072	0,054	0,077	1,327	0,186	0,656	1,525
B	-0,129	0,048	-0,136	-2,703	0,007	0,864	1,158
C	0,086	0,44	0,100	1,952	0,052	0,837	1,195
D	0,323	0,73	0,317	4,443	0,000	0,431	2,322
E	0,399	0,75	0,374	5,319	0,000	0,443	2,259

Với hệ số xác định = 0,481 và hiệu chỉnh 0,470 được giải thích rằng khi quyết định chọn lựa môn học tự chọn của nhóm sinh viên trong phạm vi được nghiên cứu có sự thay đổi thì 48,1% biến thiên là do các nhân tố tạo nên, còn lại là do các yếu tố bên ngoài mô hình. Ngoài ra, mức ý nghĩa của Sig. = $0,000 < 0,05$; như vậy mô hình hồi quy phù hợp (bảng 3).

Kết quả phân tích bằng việc sử dụng phần mềm SPSS cho thấy chỉ có 4 trên 5 yếu tố mà mô hình đề xuất là có tác động đến việc đưa ra quyết định lựa chọn môn học tại trường của sinh viên tại trường. Cụ thể là với yếu tố Mục tiêu nghề nghiệp (A) có $\text{Sig.} = 0,186 > 0,05$ nên được loại khỏi mô hình; còn các yếu tố khác đều có mức ảnh hưởng đến Quyết định lựa chọn.

Sự ảnh hưởng của các biến độc lập lên biến phụ thuộc được so sánh bằng hệ số chuẩn hóa Beta. Nhóm tác giả đã tiến hành xác định thứ tự mức độ ảnh hưởng giảm dần như sau: Yếu tố cá nhân (0,374); Đặc trưng môn học (0,317); Yếu tố môi trường (0,136) và Đội ngũ cán bộ giảng viên (0,100). Từ đó, phương trình mô tả mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc đưa ra quyết định môn học tự chọn của sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh như sau:

$$\text{Quyết định lựa chọn} = 0,374 * E + 0,317 * D + 0,136 * B + 0,100 * C$$

2.4. Một số đề xuất

Dựa vào kết quả từ nghiên cứu trên, nhóm tác giả thảo luận và đưa ra một số đề xuất cho Nhà trường nói chung cũng như Khoa, bản thân sinh viên nói riêng theo thứ tự mức độ tác động nhằm giải quyết vấn đề mà bài báo đang hướng đến

Một là, yếu tố cá nhân có tác động quan trọng nhất đến người học của ngành. Nhà trường cần quan tâm hơn đến nhu cầu của sinh viên. Ví dụ, cần nhắc đến việc sắp xếp thời khóa biểu phù hợp bởi vì sinh viên khi được lựa chọn các môn học tự chọn đều ở năm thứ ba và năm cuối, và họ đang trong giai đoạn đi làm thêm bên ngoài hoặc thực tập, do đó, sự hợp lý cũng như không bị chồng chéo trong lịch trình sẽ phần nào hỗ trợ sinh viên thật sự được lựa chọn các môn học đúng với mong muốn của bản thân. Ngoài ra, sinh viên còn có xu hướng sẽ lựa chọn môn học dựa vào sở thích và khả năng học tập của bản thân; chính vì vậy, Nhà trường và Khoa Quản trị nên thiết kế mô hình môn học tương ứng với năng lực tiếp thu và sắp xếp số lượng kiến thức một cách phù hợp nhằm nâng cao tình hình học, tránh tình trạng nội dung quá khó so với trình độ thực tế của bậc đại học. Khoa cần xây dựng các kênh thu nhận phản hồi từ người học để từ đây nhận biết các điểm chung về sở thích, chất lượng học tập thông qua thống kê kết quả học tập và vấn đề bất cập trong chương trình môn học theo phần lớn sinh viên để nghiên cứu thêm những những hoạt động có tính ứng dụng thực tế cao nhằm đáp ứng nhu cầu cho cả xã hội lẫn sở thích, khả năng học tập chung.

Hai là, Khoa Quản trị và Bộ môn chuyên môn cần thiết kế môn học có nhiều hoạt động tương tác như hoạt động nhóm, thuyết trình hoặc mô phỏng tình huống nhằm thúc đẩy sự hứng thú trong quá trình học, đồng thời hỗ trợ người học các phương pháp ứng dụng lý thuyết vào các vấn đề thực tiễn và khả năng sử dụng linh hoạt các kỹ năng cần thiết trong các điều kiện làm việc khác nhau. Thêm vào đó, từng Bộ môn và bản thân mỗi giảng viên đảm nhận các môn học tự chọn cũng cần nghiên cứu, thiết kế liên kết trong chuỗi kiến thức để quá trình học được diễn ra một cách liền mạch giúp sinh viên có khả năng hệ thống hóa kiến thức cho bản thân. Việc được giới thiệu sự liên kết và hệ thống hóa môn học với nhau hỗ trợ người học hiểu rõ định hướng môn học và xác định sự cần thiết của chúng đối với môi trường sự nghiệp tương lai. Nói cách khác, từ đây sinh viên có thể nhận biết tốt những môn học nào là đúng định hướng của bản thân.

Ba là, để sinh viên có thể lựa chọn đúng môn học tự chọn cần thiết cho môn học, Nhà trường nói chung và Khoa nói riêng nên thiết kế một buổi tư vấn hoặc sinh hoạt nhằm phổ biến thông tin cho sinh viên về môn học, cách thức học, các nội dung kiến thức và thực tiễn. Với cách thức này, người học chuyên ngành Quản trị kinh doanh có thể tiếp cận thông tin một cách trực diện và đúng đắn nhất, tránh việc bị ảnh hưởng bởi những nguồn thông tin chưa được kiểm chứng từ nhiều đối tượng khác nhau. Đồng thời, Khoa có thể cập nhật các môn học tự chọn trên Website, trong đó nội dung bao gồm giảng viên phụ trách, đề cương môn học và bảng tóm tắt nội dung, hoạt động học liên quan đến mục tiêu, các mảng chuyên ngành, cuối cùng là phần nguồn thông tin phản hồi từ nhóm các cựu sinh viên hoặc người học trước. Với thiết kế này, sinh viên sẽ có một phần thông tin cơ sở để cân nhắc những môn học tự chọn sẽ quyết định đăng kí trong học kì tương lai.

Bốn là, đội ngũ giảng viên cũng là một trong những yếu tố có tác động đến quyết định của sinh viên, chính vì vậy, bản thân giảng viên cũng cần nâng cao trình độ bản thân với mục tiêu cải tiến và nâng cao chất lượng giảng dạy, ví dụ như khả năng truyền đạt, hỏi đáp sinh viên một cách đầy đủ và kịp thời. Nhờ đó, sinh viên ngành có thể tự tin với sự lựa chọn của bản thân và có thái độ học tập tốt. Đồng thời, giảng viên cũng cần ghi nhận những ý kiến phản hồi có chọn lọc một cách tích cực, cải thiện cách thức giảng dạy và chủ động mở rộng môn học ở một số hoạt động có tính thực tiễn cao giúp sinh viên tự chủ động trong việc gắn kết kiến thức lại với nhau và sử dụng vào những công việc thực tế.

3. Kết luận

Nghiên cứu được nhóm tác giả thực hiện nhằm mục tiêu xác định và kiểm tra các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định môn học tự chọn của sinh viên Khoa Quản trị chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh cũng như đánh giá được tầm quan trọng của từng yếu tố. Kết quả phân tích đã cho thấy rằng những yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn nhiều nhất theo thứ tự là Yếu tố cá nhân, Đặc trưng môn học, Yếu tố môi trường và Đội ngũ cán bộ giảng viên. Từ các phân tích trên, nhóm tác giả có thể đưa ra các đề xuất phù hợp cho cả bên phía Nhà trường nói chung và Khoa Quản trị phụ trách ngành Quản trị kinh doanh, người học nói riêng. Tuy nhiên, bài nghiên cứu vẫn còn điểm hạn chế khi quy mô nghiên cứu còn khá nhỏ khi chưa mở rộng ra thêm các chuyên ngành khác tại Trường cũng như chỉ tập trung và kết quả chỉ phù hợp đối với các sinh viên ngành trong phạm vi bài báo.

Tài liệu tham khảo

- Anderson, J., & Gerbing, D. (1988). Structural equation modeling in practice: A review and recommended two-step approach. *Psychological Bulletin*, 103(3), 411-423. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.103.3.411>
- Coban, I. (2020). Examination of the factors affecting elective selection in Turkish language teaching undergraduate program. *International Education Students*, 13(9). <https://doi.org/10.5539/ies.v13n9p104>
- Darby, J. A. (2006). The effects of the elective or required status of courses on student evaluations. *Journal of Vocational Education & Training*, 58(1), 19-29. <https://doi.org/10.1080/13636820500507708>
- Foli, S., & Baidoo, I. (2020). *Factors that students consider when selecting their electives: Discrete choice experiment*. International Journal of Research and Innovation in Applied Science (IJRIAS), Vol.5, Issue 5.
- Green, S. B. (1991). *How many subjects does it take to do a regression analysis?* Multivariate Behavioral Research.
- Gulum, O., & Gencil-Ataman, O., & Parasiz, G. (2022). Factors affecting the course choices of students who took the elective course of music culture. *International Online Journal of Educational Sciences*, 14(1), 265-278.
- Hair, J., Anderson, R., Tatham, R., & Black, W. (1998). *Multivariate data analysis* (5th edition). Prentice Hall, New Jersey.
- Holec, H. (1981). *Autonomy and Foreign Language Learning*. Pergamon Press.
- Lewis, R., Anderson, T., Carroll, F. (2020). Can school enrolment and performance be improved by maximizing students's sense of choice in Elective Subjects? *Journal of Learning Analytics*, 7(1), 75-87.
- Little, D. (1995). Learning as dialogue. The dependence of learn^{er} autonomy on teacher autonomy. *System*, 23(2), 175-181.
- Nguyễn Thị Phương Thảo, Phan Thị Thanh Hương, Đặng Thị Thuận An. (2020). Phát triển năng lực tự chủ cho học sinh thông qua dạy học một số chủ đề môn học hóa học lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 ở tỉnh Đắk Lắk. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế*, 4(56), 19-28.
- Nunnally, J. (1978). *Psychometric Theory* (2nd ed.). New York: McGraw-Hill.
- Peterson, R. A. (1994). A meta-analysis of Cronbach's Coefficient Alpha. *Journal of Consumer Research*, 21, 381-391.
- Samara, F. (2015). Factors influencing students' choice of elective science courses: a case study from the American University of Sharjah. *Open Journal of Social Sciences*, 3(8), 93-99.
- Ursavas, N., & Kesimal, A. (2020). Determination of the Factors Affecting High School Students' Preferences of and Satisfaction with Choosing Biology as an Elective Course. *Journal of Science Learning*, 3(2), 46-56.